

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (Đánh giá hoạt động và tuân thủ)

1. Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt nam
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát ban hành ngày 25 tháng 3 năm 2008.
- Quyết định số 472/QĐ-ĐLĐK-HĐTV ngày 16/8/2013 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam xin Kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2013 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam với các nội dung sau:

- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh năm 2013. Đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, tình hình quản lý và sử dụng vốn của công ty.
- Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động, công tác chi trả lương thưởng cho cán bộ công nhân viên.
- Việc tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các Quy chế của Tập đoàn, của Tổng Công ty, của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty.
- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc trong việc thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán

hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, BKS không trực tiếp tham gia điều hành, các hoạt động của BKS chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

3. Kết quả kiểm soát:

3.1 Việc huy động, sử dụng vốn, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

3.1.1 Huy động, sử dụng vốn:

Số TT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số cổ phần	Số tiền
1	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,00%	7.650.000	76.500.000.000
2	YTL Power Service Sdn.Bhd	18,00%	2.700.000	27.000.000.000
3	Cổ đông khác	31,00%	4.650.000	46.500.000.000
	Cộng	100%	15.000.000	150.000.000.000

- Tiền, tương đương tiền:

Theo số liệu kiểm kê thực tế: Tính đến thời điểm 31/12/2013 tổng cộng các khoản tiền, tương đương tiền là **100.676.605.334 đồng**, bao gồm:

o Tiền gửi có kỳ hạn (dưới ba tháng) tại các Ngân hàng và tổ chức Tài chính với số tiền là: 85.029.166.700 đồng, cụ thể:

- Tiền gửi tại NH AgriBank : 5.029.166.700, đồng
- Tiền gửi tại NH TMCP Đại Dương : 75.000.000.000, đồng
- Tiền gửi tại NH TMCP SHB : 5.000.000.000, đồng

o Tiền gửi không kỳ hạn tại một số Ngân hàng thương mại cổ phần gồm 14.505.755.138 đồng; 479.83 EUR và 119.14 USD.

Tiền mặt tại quỹ văn phòng và các chi nhánh là 1.124.534.080 đồng.

3.1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Qua soát xét một số nghiệp vụ tại chi nhánh Cà Mau, chi nhánh Hồ Chí Minh, chi nhánh Nhơn Trạch và Văn phòng Hà Nội, Ban Kiểm soát có một số ý kiến sau:

Đối với Chi nhánh Cà Mau, Nhơn Trạch:

Nhiệm vụ chính của hai chi nhánh này là thực hiện các công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1, 2 và Nhà máy Nhơn Trạch 1, 2. Nhìn chung, hoạt động chính của 02 Chi nhánh năm 2013 cơ bản hoàn thành nhiệm vụ và tuân thủ theo chỉ đạo của Công ty.

Ngoài nhiệm vụ chính ra, chi nhánh còn được Công ty giao nhiệm vụ mua sắm một số vật tư nhỏ lẻ và thuê nhân công phục vụ cho bảo dưỡng, sửa chữa. Các hợp đồng thuê nhân công phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Cà Mau 1, 2 và Nhơn Trạch 1, 2 trên cơ sở được cấp thẩm quyền của Công ty chấp thuận (chủ trương, kế hoạch đấu thầu...), Chi nhánh đã triển khai lựa chọn nhà thầu theo hình thức thông qua 3 báo giá của nhà cung cấp.

Ban Kiểm soát kiến nghị:

- Đề nghị Công ty xem xét, rà soát lại quy trình, phương thức lựa chọn nhà thầu cho các hợp đồng theo đúng quy định của Luật Đấu thầu.

- Nhân lực của Chi nhánh thực hiện công tác đấu thầu, mua sắm còn hạn chế, vì vậy, đề nghị Công ty tăng cường hỗ trợ giúp đỡ kỹ thuật đồng thời tăng cường việc kiểm tra, giám sát và hướng dẫn cụ thể cho đơn vị trong công tác đấu thầu, mua sắm (cần thiết phải tổ chức khóa học cho các cán bộ chi nhánh Cà Mau và Nhơn Trạch về công tác đấu thầu).

- Đề nghị chi nhánh xem xét, cố gắng sử dụng tối đa nguồn nhân lực của các Chi nhánh, hạn chế việc phải thuê thầu phụ để nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty.

Đối với Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Nhiệm vụ chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh là thực hiện hỗ trợ công tác nội chính cho Công ty tại phía Nam và thực hiện công việc mua bán, tiếp nhận vật tư thiết bị cho Công ty. Hoạt động chính của Chi nhánh năm 2013 cơ bản cũng hoàn thành và tuân thủ theo chỉ đạo của Công ty.

Ngoài nhiệm vụ chính ra, chi nhánh còn thực hiện một số dịch vụ kỹ thuật cho bên ngoài như cung cấp dịch vụ sửa chữa cho Nhà máy điện Phú Mỹ 3, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, nhân công cho Siemen. Nhìn chung các dịch vụ mà chi nhánh cung cấp đạt được những kết quả nhất định như khẳng định được vị thế của Công ty tại thị trường Miền Nam nhưng bên cạnh đó cũng còn điểm hạn chế tương đối quan trọng là nhiều năm chi nhánh hạch toán lỗ, năm 2012 lỗ trên 700 triệu đồng, năm 2013 lỗ trên 500 triệu đồng.

Ban Kiểm soát kiến nghị:

- Đề nghị Công ty cơ cấu, tổ chức lại bộ máy, hạch toán phân bổ chi phí nhằm giúp Chi nhánh làm ăn có hiệu quả hơn.

- Xem xét, cố gắng sử dụng tối đa nguồn nhân lực của các Chi nhánh, hạn chế việc phải thuê thầu phụ để nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty giao, đối với những công việc cấp bách như mua sắm vật tư, thuê nhân công, nhiên liệu phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện với giá trị thấp (dưới 100 triệu đồng), Chi nhánh nên đề xuất với cấp thẩm quyền của Công ty hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp quy định của Pháp luật về thầu hiện hành. Trên cơ sở chấp thuận của cấp thẩm quyền Công ty, chi nhánh tiến

hành lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng theo quy trình của Công ty và quy định của Nhà nước.

Đối với Văn phòng Công ty:

Từ năm 2012 Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng văn phòng Chi nhánh Cà Mau. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa hoàn thành việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của công trình, thời gian chuẩn bị đầu tư quá dài nên công trình đã bị chậm tiến độ, chưa hoàn thành được kế hoạch 2013 đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu của việc chậm trễ này hiện đang vướng mắc tại khâu thủ tục chuẩn bị đầu tư như lập và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật bao gồm (1) Báo cáo, (2) Thiết kế kỹ thuật Bản vẽ thi công, (3) Dự toán công trình.

Ban Kiểm soát kiến nghị:

- Đề nghị Công ty đẩy nhanh việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu thầu, lựa chọn các nhà thầu thực hiện dự án, đảm bảo hoàn thành công trình trong năm 2014.

- Căn cứ theo nhu cầu và điều kiện làm việc thực tế hiện nay của chi nhánh Nhơn Trạch, đề nghị Công ty xem xét việc đầu tư trụ sở văn phòng tại chi nhánh Nhơn Trạch.

3.1.3 Đầu tư tài chính dài hạn:

Khoản mục đầu tư vào Công ty CP Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí với giá trị đầu tư 5.040.000.000 đồng (tương đương 11,9% vốn điều lệ). Qua xem xét Báo cáo tài chính 2013 kết thúc ngày 31/12/2013, Ban Kiểm soát thấy một số số liệu như sau:

Hiện tại Công ty này đang kinh doanh thua lỗ, lỗ lũy kế đến 31/12/2013 là 5.914.821.066 đồng, đồng thời quỹ khen thưởng phúc lợi đang âm 392.100.580;

Phải thu khách hàng: Tại 31/12/2012 số Phải thu khách hàng là 15.731.005.723 đồng (và vốn chủ sở hữu 37.431.882.191 đồng), đến 31/12/2013 số Phải thu khách hàng tăng lên là 19.322.129.463 đồng (và vốn chủ sở hữu 37.487.524.463 đồng). Số dư này đã lớn lại vừa tăng về giá trị vừa tăng về tỷ trọng, hiện so với vốn chủ sở hữu đã vượt trên 50%.

Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang: Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại 31/12/2012 là 22.786.164.935 đồng, tại 31/12/2013 là 22.964.570.962 đồng. Nhìn con số này thì thấy việc đầu tư của Công ty là lớn (nhưng có vẻ như bị dậm chân tại chỗ vì phát sinh tăng không lớn), chiếm giữ nhiều vật lực của Công ty mà chưa phát huy được hiệu quả.

Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Đề nghị Công ty, người đại diện của Công ty tại Công ty CP Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí tăng cường xem xét đánh giá lại toàn bộ các hoạt động của Công ty CP Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí và đề nghị Công ty này thực hiện chi phí, hạch toán phù hợp với quy định, đồng thời Người đại diện xem xét đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả, đầu tư xây dựng dở dang như đã nêu ở trên.

3.2 Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động.

Bộ máy tổ chức nhân sự:

Bộ máy tổ chức Công ty tại thời điểm 31/12/2013:

❖ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2013</u>
➤ Hội đồng Quản trị chuyên trách	: 01 người	01 người
➤ Ban Kiểm soát chuyên trách	: 01 người	01 người
➤ Ban Giám đốc	: 01 người	05 người
➤ Phòng Tổng hợp	: 19 người	22 người
➤ Phòng Kỹ thuật	: 07 người	07 người
➤ Phòng Tài chính Kế toán	: 12 người	12 người
➤ Phòng Kinh tế Kế hoạch	: 15 người	14 người
➤ Phòng Dự án	: 09 người	20 người
➤ Phòng Kinh doanh TM và XNK	: 07 người	10 người
➤ Chi nhánh thành phố HCM	: 12 người	11 người
➤ Chi nhánh sửa chữa Cà Mau	: 96 người	90 người
➤ Chi nhánh sửa chữa Nhơn Trạch	: 107 người	106 người
➤ Chi nhánh Đà Nẵng:	: 21 người	18 người

Tại thời điểm 31/12/2012 Công ty có 312 người, tính đến ngày 31/12/2013 tổng số người Công ty là 317 người, tăng hơn 5 người so với cuối năm 2012.

Công tác tiền lương, thưởng:

Công ty thực hiện trả lương theo quy chế trả lương, trả thưởng được Hội đồng quản trị phê duyệt theo Nghị Quyết số 73/NQ/HĐQT-DVKT Ngày 08/08/2012. Công ty thực hiện theo quy chế và thỏa ước lao động tập thể đã đề ra.

Tiền lương hàng tháng của CBCNV được trả gồm 2 phần: Lương Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, lương chức danh theo Quy chế trả lương, thưởng và các khoản phụ cấp theo lương.

Đơn giá tiền lương Chức danh kể từ ngày 1/1/2011 được áp dụng 3 mức ở các khu vực khác nhau: tại Hà Nội và TP.HCM là 900.000 đồng; Tại Nhơn Trạch là 990.000 đồng và tại Cà Mau là 1.080.000 đồng.

Chế độ ăn ca được áp dụng và trả cho CBCNV là: 620.000đ/ng/tháng.

CBVN làm thêm giờ theo yêu cầu của SXKD được bố trí nghỉ bù hoặc được thanh toán theo quy định của Công ty.

Phụ cấp chức vụ với các chức danh ban lãnh đạo được thực hiện theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP.

Năm 2013, Công ty áp dụng chi trả lương cho cán bộ công nhân viên trên cơ sở Quy chế Lương được phê duyệt bởi Nghị quyết 73/NQ/HĐQT-DVKT ngày 8/8/2012 của Hội đồng Quản trị Công ty. Quy chế này xây dựng cơ bản trên cơ sở Nghị định 205/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc quy định hệ thống thang bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước.

Đến ngày 5/3/2014 Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Quy chế Lương tại Quyết định số 30/QĐ/HĐQT-DVKT. Quy chế này xây dựng cơ bản vẫn trên cơ sở Nghị định 205/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ là chưa phù hợp và còn rất nhiều bất cập.

Khen thưởng phúc lợi: Trong năm 2013 Công ty đã chi từ nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi 2.557.524.464 đồng.

Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Đề nghị Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành để xây dựng Quy chế lương mới làm cơ sở xin ý kiến chủ sở hữu/đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.3 Chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế nội bộ.

- Tính đến 31/12/2013 Công ty đã ban hành những quy chế, quy định sau:
 - Điều lệ Công ty;
 - Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị;
 - Quy chế tổ chức và hoạt động của ban kiểm soát;
 - Quy chế trả lương cho CBCNV;
 - Nội quy lao động;
 - Quy định về công tác luân chuyển chứng từ;
 - Quy định về tạm ứng và chi phí quản lý;
 - Quy định về thanh toán công tác phí;
 - Quy trình quản lý vật tư;
 - Quy định về quản lý và sử dụng văn phòng phẩm;
 - Quy định quản lý sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị thông tin liên lạc;
 - Quy định về công tác văn thư lưu trữ;
 - Thoả ước lao động tập thể;
 - Định mức tiêu hao nhiên liệu xe ô tô;
 - Quy chế tuyển dụng;
 - Quy chế đào tạo;
 - Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị công nghệ;
 - Quy định quản lý và phân cấp hợp đồng kinh tế;
 - Quy định về phân cấp Tài chính đối với chi nhánh Công ty tại TP HCM;
 - Quy định về phân cấp Tài chính đối với chi nhánh Cà Mau;

- Quy định về phân cấp Tài chính đối với chi nhánh Nhơn Trạch;
- Quy định về việc thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật;
- Quy chế dân chủ;
- Quy chế hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Quy chế quản lý tổ chức cán bộ;
- Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc;
- Quy chế người đại diện phần vốn góp của PVPS tại các doanh nghiệp khác;
- Quy định quản lý công tác kế hoạch;
- Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Quy chế Tài chính;
- Quy chế thi đua khen thưởng.
- Đang hoàn thiện, điều chỉnh các quy chế, quy định:
 - Quy định về quản lý công nợ;
 - Quy chế giao khoán;

Các quy định, quy chế về cơ bản đã đáp ứng được phần nào yêu cầu quản lý, kiểm soát chi phí của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động triển khai, quy chuẩn hoá các quy định, quy chế, tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi các quy chế này trong các mặt hoạt động của Công ty.

Tuy thống kê trên như vậy nhưng hiện tại BKS cần có một bộ đầy đủ để nghiên cứu cũng rất khó tập hợp được. Đồng thời hiện tại có một số Quy chế, Quy trình thực hiện giữa các thời kỳ đan xen nhau rất khó tra cứu áp dụng vì vậy BKS đề nghị Công ty rà soát tổng hợp lại toàn bộ các quy trình, quy chế lưu theo hệ thống để cán bộ công nhân viên dễ tra cứu áp dụng nhằm giúp việc quản trị điều hành hiệu quả hơn.

3.4 Công tác quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc.

Tính đến ngày 31/12/2013 Ban Kiểm soát không phát hiện được trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty.

Thành viên HĐQT là ông Harald E. Burchardt hiện nay đã qua đời vì vậy BKS đề nghị Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông xem xét giới thiệu và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới cho phù hợp với quy định.

Ban kiểm soát đánh giá cao trách nhiệm quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty. Ngoài những ảnh hưởng của một số điểm nêu trên thì các hoạt động của Công ty đến 31/12/2013 thực hiện theo quy định của Pháp luật, Ban Giám đốc Công ty cũng triển khai thực hiện theo các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

4. Kế hoạch làm việc BKS năm 2014.

- Kiểm soát định kỳ: hàng quý/nửa năm, BKS sẽ họp và thực hiện việc thẩm định BCTC theo quy định hiện hành.

- Kiểm tra đột xuất: Khi thấy có hoạt động bất thường, BKS sẽ lập kế hoạch cụ thể gửi HĐQT, Ban Giám đốc để thông báo kế hoạch thực hiện.

5. Kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Kiến nghị Tổng Công ty, Đại hội đồng Cổ đông:

Ban Kiểm soát Công ty kiến nghị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận phê chuẩn lương và thù lao cho thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật hiện hành:

- Thù lao thành viên không chuyên trách: 3.000.000 đồng/01 người/01 tháng.
- Xếp lương bậc 2 Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách theo nguyên tắc chức danh như Thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Phó giám đốc quy định tại Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty (để báo cáo);
- Đại Hội đồng Cổ đông (để báo cáo);
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Quốc Vinh

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2013
(Các chỉ tiêu tài chính cơ bản)

Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
 Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 15 tháng 12 năm 2011
 Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ Kỹ thuật Điện
 Địa chỉ, điện thoại, Fax :
 Vốn điều lệ : 150.000 triệu đồng
 Trong đó: Vốn Tổng Công ty : 76.500 triệu đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	2,242,504,973,172	1,902,982,023,220
1	Tiền, tương đương tiền	110-BCĐKT	113,345,918,572	100,676,705,334
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	337,018,137,016	187,763,947,093
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	-
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	1,790,840,333,156	1,536,934,270,694
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	1,300,584,428	77,607,100,099
II	Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	50,910,742,108	49,064,193,960
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	-	-
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	14,960,051,491	14,522,733,578
	- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	14,957,720,303	14,346,814,223
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	2,331,188	175,919,355
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT	-	-
3	Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	5,040,000,000	4,401,465,174
	Trong đó: Dự phòng giảm giá đầu tư			(638,534,826)
5	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	30,910,690,617	30,139,995,208
III	Nợ phải trả	300-BCĐKT	2,108,786,148,218	1,767,858,871,006
	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	2,108,786,148,218	1,767,858,871,006
	Trong đó: Nợ quá hạn		-	-
	Trong đó: Quỹ khen thưởng phúc lợi	323-BCĐKT	697,056,248	877,716,536
	việc	330-BCĐKT		
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	184,629,567,062	184,187,346,174
1	Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	150,000,000,000	150,000,000,000
	Trong đó: Vốn góp của PV-Power	411-BCĐKT	76,500,000,000	76,500,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417 BCĐKT	4,673,577,200	7,411,761,952
3	Quỹ dự phòng tài chính	418 BCĐKT	2,574,142,339	3,479,620,358
4	Lợi nhuận chưa phân phối	420-BCĐKT	27,381,847,523	23,295,963,864

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm nay
V	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu		1,984,956,515,282	1,068,021,053,838
	- Doanh thu thuần từ về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01-BCKQKD	1,972,804,216,436	1,060,606,155,480
	- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	11,965,174,459	7,414,898,358
	- Thu nhập khác	31-BCKQKD	187,124,387	-
2	Tổng chi phí		1,948,480,718,584	1,036,905,042,946
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	36,475,796,698	31,116,010,892
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		9,093,949,175	7,820,047,028
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60-BCKQKD	27,381,847,523	23,295,963,864
VI	Các chỉ tiêu khác			
1	Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		220,061,147,522	181,014,855,275
2	Trong đó: Các loại thuế			
	- Thuế GTGT		109,914,248,973	39,839,336,266
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		79,006,967,156	115,613,970,340
	- Thuế nhập khẩu		17,587,082,735	13,385,350,418
	- Thuế TNDN		9,093,949,175	7,820,047,028
	- Thuế TNCN		4,437,913,131	4,340,974,005
	- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu			
	- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu			
	- Thuế môn bài		11,000,000	7,000,000
	- Các loại thuế khác		9,986,352	8,177,218
3	Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		24.32%	20.74%
4	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		1405.86%	1178.57%
5	Tổng quỹ lương chi trong kỳ		56,808,749,795	63,329,038,385
6	Số lao động bình quân		313	317
7	Thu nhập bình quân người/năm		15,124,800.265	16,648,012.194